

GIẢI PHÁP NÂNG CAO KẾT QUẢ ĐÀO TẠO NGHỀ NÔNG NGHIỆP CHO NÔNG DÂN TỈNH PHÚ THỌ

TS. Nguyễn Tất Thắng, Nguyễn Thị Huyền Châm

Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

Để phát triển nông nghiệp, giải quyết công ăn việc làm cho nông dân một cách ổn định và bền vững, thời gian qua, tỉnh Phú Thọ đã bước đầu quan tâm và chú trọng đến công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho nông dân trên địa bàn. Kết quả của công tác đào tạo nghề đã góp phần tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo, từ đó giúp họ có thể tìm và tự tạo việc làm, phát triển kinh tế gia đình. Tuy nhiên, công tác đào tạo nghề vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn cần được tháo gỡ. Nghiên cứu dưới đây sẽ đi sâu phân tích thực trạng, tìm hiểu nhu cầu của nông dân về công tác đào tạo nghề nông nghiệp và đề xuất một số giải pháp nhằm thực hiện tốt công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho nông dân trên địa bàn tỉnh Phú Thọ trong thời gian tới.

Từ khóa: Giải pháp, đào tạo nghề, nông nghiệp, nông dân, tỉnh Phú Thọ.

1. Đặt vấn đề

Đào tạo nghề là một trong các nội dung quan trọng và cần thiết cho việc phát triển nguồn nhân lực, yếu tố quyết định đến năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia, góp phần cho quá trình hội nhập kinh tế quốc tế thành công. Nhận thức được tầm quan trọng đó, Chính phủ đã ban hành chương trình hành động, phê duyệt đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” theo tinh thần của hội nghị lần thứ 7 BCH TW đảng khóa X về nông nghiệp nông dân nông thôn nhằm góp phần nâng cao chất lượng lao động nông thôn, đáp ứng yêu cầu CNH- HĐH nông nghiệp nông thôn.

Thực hiện chương trình, đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn, những năm qua công tác đào tạo nghề cho nông dân đã được tỉnh Phú Thọ rất quan tâm. Điều đó được thể hiện qua số lao động nông dân được đào tạo ngày càng tăng đã góp phần đáng kể chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm lao động nông nghiệp, tăng lao động ngành nghề phi nông nghiệp và đẩy mạnh hợp tác quốc tế về lao động. Tuy nhiên, thực tế cho thấy nguồn nhân lực qua đào tạo vẫn chưa đáp ứng được sự đòi hỏi của quá trình CNH- HĐH nông nghiệp, nông thôn cả về số lượng và chất lượng. Những vấn đề như thực trạng và chất lượng đào tạo nghề nông nghiệp cho nông dân tỉnh Phú Thọ hiện nay như thế nào, nhu cầu được học nghề của nông dân ra sao, những giải pháp nào sẽ được đưa ra để nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở dạy nghề nông nghiệp trên địa bàn tỉnh... rất cần được quan tâm nghiên cứu.

Trong những năm vừa qua, tuy đã có một số nghiên cứu về công tác đào tạo nghề ở tỉnh Phú Thọ,

nhưng hầu như chưa có nghiên cứu nào có tính độc lập, phân tích đánh giá công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho nông dân. Nghiên cứu này sẽ đi sâu phân tích đánh giá thực trạng, từ đó đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho nông dân trên địa bàn tỉnh Phú Thọ trong thời gian tới.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp chọn điểm nghiên cứu: nghiên cứu được tiến hành ở 3 cơ sở (Trường Cao đẳng nghề cơ điện và nông lâm, Trường trung cấp nghề dân tộc nội trú Thanh Sơn và Trung tâm dạy nghề Tam Nông) là các điểm đại diện cho các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh; điều tra 60 cán bộ giáo viên và 300 học viên đại diện cho cán bộ giáo viên và học viên đào tạo nghề nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Phương pháp thu thập tài liệu: Các tài liệu và thông tin thứ cấp về công tác đào tạo nghề cho nông dân gồm các chính sách liên quan, báo cáo tổng kết của tỉnh, của các bộ, ngành có liên quan và các cơ sở đào tạo nghề được thu thập, tổng hợp và phân tích. Số liệu sơ cấp về công tác đào tạo nghề của tỉnh Phú Thọ cũng sẽ được tiến hành khảo sát, điều tra.

Phương pháp phân tích số liệu: Phương pháp thống kê kinh tế: được sử dụng chủ yếu để mô tả, phân tích thực trạng công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho nông dân trên địa bàn tỉnh. Phương pháp chuyên gia: tham vấn ý kiến của các chuyên gia trong lĩnh vực đào tạo nghề nông nghiệp.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Để đánh giá công tác đào tạo nghề nông nghiệp

cho nông dân, cần phải xem xét diễn biến trong một quá trình. Nội dung nghiên cứu sẽ phân tích thực trạng công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho nông dân, cụ thể: chủ trương chính sách cho đào tạo nghề, hệ thống tổ chức quản lý đào tạo nghề, nguồn lực đào tạo nghề, hình thức và loại hình đào tạo, nội dung đào tạo, các chính sách trợ giúp và hỗ trợ cho đào tạo, nhu cầu đào tạo nghề nông nghiệp cho nông dân.

3.1. Thực trạng công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho nông dân trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

a. Chủ trương chính sách cho đào tạo nghề:

Nhà nước có chủ trương thực hiện xã hội hóa hoạt động dạy nghề, khuyến khích các cá nhân, tổ chức tham gia dạy nghề. Tuy nhiên, hiện nay trên địa bàn Tỉnh chưa có những chính sách cụ thể, tạo hành lang pháp lý cho thu hút nguồn vốn từ xã hội nên công tác xã hội hóa hoạt động dạy nghề nông nghiệp cho nông dân còn gặp khó khăn. Hơn nữa, hệ thống văn bản quy định cụ thể còn thiếu và không đồng bộ, gây khó khăn trong quá trình thực hiện. Nhằm thực hiện đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”, Tỉnh đã thực hiện một số chính sách hỗ trợ đào tạo nghề như chính sách hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn, chính sách hỗ trợ bộ đội xuất ngũ học nghề, chính sách hỗ trợ phụ nữ học nghề, tạo việc làm... đã tạo điều kiện cho công tác đào tạo nghề cho nông dân phát triển nhanh. Tuy nhiên, với mức hỗ trợ thấp (tối đa là 300.000đ/ người/tháng), nhiều nông dân vẫn chưa có điều kiện để học nghề. Hay như riêng chính sách hỗ trợ phụ nữ học nghề chỉ ưu tiên cho những đối tượng thuộc gia đình chính sách hoặc diện hộ nghèo nên có nhiều phụ nữ không thuộc đối tượng trên, có nhu cầu học nghề để phát triển kinh tế gia đình nhưng không được hỗ trợ.

b. Hệ thống tổ chức quản lý về đào tạo nghề:

Hệ thống cơ sở đào tạo nghề cho nông dân trên địa bàn tỉnh Phú Thọ gồm có 24 trường và trung tâm dạy nghề, 4 trường cao đẳng nghề, 5 trường trung cấp nghề và 15 trung tâm dạy nghề. Các cơ sở đào tạo nghề đều chịu sự kiểm tra giám sát của Sở Lao động- Thương binh & Xã hội tỉnh Phú Thọ, riêng cơ sở nào trực thuộc bộ chủ quản thì còn chịu thêm sự giám sát của bộ chủ quản, khiến các cơ sở đều phải tuân thủ nghiêm các quy định liên quan đến đào tạo nghề. Điều đó cho thấy hệ thống tổ chức và quản lý về đào tạo nghề ở tỉnh khá tốt. Tuy nhiên, một bất cập hiện nay là vẫn chưa có bộ phận chuyên trách quản lý công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho nông dân trên địa bàn tỉnh.

c. Nguồn lực cho đào tạo nghề:

Đào tạo nghề cần một số những nguồn lực như cơ

sở vật chất, nhân lực và vốn đầu tư. Nghiên cứu sẽ phân tích và đánh giá nguồn lực cho đào tạo nghề khi xét dưới 2 góc độ là số lượng và chất lượng.

- Về cơ sở vật chất

Được sự quan tâm của Tỉnh, cơ sở vật chất kỹ thuật cho đào tạo nghề nông nghiệp đã có sự tăng lên về số lượng và được xây dựng khang trang hơn, phần nào đáp ứng tốt hơn nhu cầu dạy và học nghề của nông dân trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, khảo sát điều tra cho thấy, trang thiết bị cho luyện tập kỹ năng thực hành nghề vẫn thiếu về số lượng và lạc hậu về chất lượng nên chất lượng đào tạo không đáp ứng với nhu cầu thị trường lao động (chỉ có khoảng 19% số trang thiết bị của các trường được coi là tương đối phù hợp với yêu cầu cho đào tạo nghề). Nguyên nhân là do đào tạo nghề đòi hỏi chi phí vật tư thiết bị cho luyện tập kỹ năng nghề rất cao, nhưng định mức chi phí đào tạo nghề hiện nay rất thấp (Định mức chi phí đào tạo nghề hiện nay là 4,3 triệu đồng/ học sinh/năm. Thực tế cho thấy tính bình quân chỉ được cấp khoảng 2,5 triệu đồng/ học sinh/năm). Do đó, cơ sở vật chất, cũng như mức chi cho đào tạo nghề vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, hạn chế, và phần nào ảnh hưởng đến kết quả và hiệu quả hoạt động của công tác đào tạo nghề nông nghiệp ở trên địa bàn.

- Về nguồn nhân lực

Cán bộ, giáo viên cho công tác đào tạo nghề có sự tăng lên về số lượng, tuy nhiên tốc độ tăng chậm hơn so với quy mô đào tạo (tỷ lệ học viên/giáo viên năm 2006 là 21, đến năm 2010 tỷ lệ này là 26). Nếu so với định mức chuẩn là 15 học viên/ giáo viên thì tỷ lệ này là cao, khó đảm bảo chất lượng đào tạo theo yêu cầu. Một vấn đề nữa là, trong những năm gần đây chất lượng của giáo viên được cải thiện tốt hơn, tỷ lệ giáo viên có trình độ đạt chuẩn chiếm tỷ lệ cao (hơn 70%), điều đó cho thấy cho thấy trình độ giáo viên dạy nghề về cơ bản đáp ứng được yêu cầu ở giai đoạn hiện tại. Tuy nhiên, bên cạnh đó một bộ phận không nhỏ giáo viên có trình độ tay nghề thấp, thiếu kinh nghiệm thực tế sản xuất, năng lực sư phạm còn yếu... đã hạn chế tới kết quả hoạt động đào tạo nghề. Cán bộ quản lý chiếm tỷ lệ tương đối lớn trong các cơ sở đào tạo nghề và chịu ảnh hưởng từ cơ chế quản lý cũ, chưa bắt kịp với cơ chế thị trường nên phương thức quản lý còn kém linh hoạt, hiệu quả còn thấp.

- Về vốn đầu tư:

Đầu tư cho đào tạo nghề lao động nông thôn tăng nhanh qua các năm (năm 2010 đạt hơn 100 tỷ đồng) cho thấy sự quan tâm của các đơn vị chức năng đối với hoạt động đào tạo nghề ở khu vực nông thôn. Tuy nhiên, trong tổng vốn đầu tư đào tạo nghề cho

Bảng 1: Số lượng cán bộ, giáo viên tham gia dạy nghề của một số trường ở tỉnh Phú Thọ

ĐVT: Người

Nhóm trường	Tổng cán bộ CNV	Trong đó cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề				
		Tổng số	Số lượng cán bộ, giáo viên		Trình độ cán bộ, giáo viên	
			Cơ hữu	Q. lý	Đại học & sau đại học	Dưới đại học
Trường cao đẳng nghề	319	292	216	76	236	56
Trường trung cấp nghề	385	355	285	70	250	105
Trung tâm DN	227	195	135	60	130	65
Cộng	931	842	636	206	576	206

Nguồn: Phòng Đào tạo nghề - Sở LĐ- TB & XH tỉnh Phú Thọ

lao động nông thôn thì vốn đào tạo nghề nông nghiệp cho nông dân còn chiếm tỷ lệ thấp (dưới 20%). Một vấn đề nữa là, trong thời gian vừa qua, vốn đầu tư mới chỉ chủ yếu tập trung cho xây dựng cơ sở hạ tầng (chiếm tỷ lệ tới 63,59% năm 2010), vốn đầu tư cho mua sắm trang thiết bị cũng như đào tạo bồi dưỡng giảng viên, cán bộ quản lý (là những nội dung đầu tư ảnh hưởng đến chất lượng công tác đào tạo nghề) còn ở mức thấp.

3.2. Hình thức, loại hình đào tạo nghề nông nghiệp cho nông dân:

Các cơ sở đào tạo nghề nông nghiệp trên địa bàn tỉnh được tổ chức theo 2 hình thức là *ngắn hạn* (dưới 3 tháng) và *dài hạn* (từ 3 tháng đến 1 năm) và theo 2 loại hình là tập trung tại cơ sở đào tạo và bán tập trung. Các đối tượng là nông dân, thanh niên dân tộc thiểu số, người tàn tật đã được thụ hưởng dịch vụ đào tạo nghề nông nghiệp, qua đó nhiều người đã có thể tìm và tự tạo việc làm cho mình, góp phần phát triển kinh tế gia đình. Nhìn chung, đa số nông dân đều lựa chọn học nghề theo hình thức ngắn hạn với thời gian đào tạo ngắn và loại hình bán tập trung (theo ý kiến học viên thì với thời gian và địa điểm học tập như vậy là tương đối phù hợp với điều kiện của họ). Do vậy, muốn tăng số lượng học viên tham

gia các lớp đào tạo nghề, cũng như phù hợp với điều kiện và nhu cầu của họ thì cần quan tâm đến yếu tố này.

3.3. Nội dung đào tạo nghề nông nghiệp cho nông dân:

Công tác đào tạo nghề đã nhận được sự quan tâm của chính quyền và các ban ngành của Tỉnh, nhưng số lượng học viên tham dự các khóa học vẫn còn rất hạn chế (năm 2010 có hơn 9000 học viên), dù có tăng nhưng tốc độ tăng còn thấp trong những năm gần đây. Xét cụ thể đối với 2 nhóm ngành đào tạo nghề nông nghiệp là trồng trọt và chăn nuôi thì nội dung chuyên môn đào tạo tương đối đầy đủ, phong phú. Tuy nhiên, phần lớn các học viên theo học nghề nông nghiệp đều chọn các lớp đào tạo về kỹ thuật như: kỹ thuật chăm sóc cây trồng vật nuôi. Điều này phần nào cho thấy cho thấy hiện nay nhu cầu về các khóa đào tạo kỹ thuật nông nghiệp là rất cần thiết đối với nông dân.

3.4. Các chính sách trợ giúp, hỗ trợ cho đào tạo nghề nông nghiệp cho nông dân:

Để khuyến khích nông dân tham gia các khóa đào tạo nghề, thời gian qua, tỉnh Phú Thọ đã thực hiện một số chính sách như chính sách về hỗ trợ, trợ cấp cho đào tạo nghề nông nghiệp như chính sách

Bảng 2: Vốn và cơ cấu vốn đầu tư cho đào tạo nghề nông nghiệp cho nông dân ở tỉnh Phú Thọ

Các chỉ tiêu	ĐVT	2006	2007	2008	2009	2010
Tổng VĐT ĐTN cho lao động nông thôn	Triệu đ	48.926	73.088	79.251	88.182	100.090
- VĐT ĐTN cho nông dân	Triệu đ	6.519	9.029	12.106	15.764	19.800
- ĐTN cho nông dân/ vốn ĐTN	%	13,32	12,35	15,3	17,87	19,79
Cơ cấu vốn	%	100	100	100	100	100
- Xây dựng cơ bản	%	75,04	72,59	66,9	62,8	63,59
- Trang thiết bị	%	23,20	24,99	26,99	29,6	29,4
- Đào tạo bồi dưỡng GV, CBQL	%	0,98	1,56	3,92	4,8	4,45
- Hoạt động khác	%	0,77	0,84	2,08	2,8	2,54

Nguồn: Sở Lao động - Thương binh & Xã hội tỉnh Phú Thọ

Bảng 3: Số lượng học viên phân theo các hình thức và loại hình đào tạo nghề ở tỉnh Phú Thọ*ĐVT: Người*

	2006	2007	2008	2009	2010
Tổng số học viên	1 290	2 607	5 377	7 262	9 830
1. Theo thời gian đào tạo					
- Dưới 3 tháng	1 100	2 278	4 771	6 360	8 352
- Từ 3 tháng đến dưới 1 năm	190	329	606	902	1 478
2. Loại hình đào tạo					
- Tập trung tại cơ sở đào tạo	190	329	606	902	1 478
- Bán tập trung	1 100	2 278	4 771	6 360	8 352

*Nguồn: Phòng dạy nghề, Sở LĐ- TB & XH tỉnh Phú Thọ***Bảng 4: Số lượng học viên phân theo các nhóm ngành đào tạo nghề nông nghiệp***ĐVT: Người*

	2006	2007	2008	2009	2010
I. Tổng số học viên	1 290	2 607	5 377	7 262	9 830
1. Ngành trồng trọt	650	1 230	3 466	4 670	5 925
- Kỹ thuật nông, lâm nghiệp	362	704	1 516	2 216	2 952
- Làm vườn cây cảnh	-	-	1 040	1 200	1 440
- Bảo vệ thực vật	288	526	910	1 254	1 560
2. Ngành chăn nuôi	640	1 377	1 911	2 592	3 905
- Kỹ thuật chăn nuôi	352	827	1 417	1 860	2 918
- Thú y	288	550	494	732	987

Nguồn: Phòng dạy nghề, Sở LĐ- TB & XH tỉnh Phú Thọ

nông dân được vay để học nghề (hỗ trợ 100% lãi suất khoản vay), chính sách hỗ trợ bộ đội xuất ngũ học nghề, hỗ trợ phụ nữ học nghề, tạo việc làm khi tham gia học nghề. Sự hỗ trợ đó làm cho số lượng lao động qua đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh tăng nhanh. Tuy nhiên, nhu cầu học nghề của nông dân vẫn chưa được đáp ứng đủ, nhiều nông dân có nguyện vọng học nghề nhưng không có điều kiện theo học. Một thực tế hiện nay là chưa có chính sách hỗ trợ các cơ sở dạy nghề trong tư vấn, định hướng ngành đào tạo cho nông dân để nông dân chủ động tham gia các khóa đào tạo nghề, nhiều nông dân chưa lựa chọn được ngành học phù hợp với điều kiện sản xuất của mình.

a. Nhu cầu đào tạo nghề của nông dân tỉnh Phú Thọ

Nghiên cứu phỏng vấn nhu cầu đào tạo nghề của 300 nông dân ở 2 huyện là Thanh Sơn và Tam Nông cho thấy nhu cầu học nghề của nông dân rất đa dạng và phong phú. Trong tổng số các nông dân được phỏng vấn thì có đến 22,7% nông dân được hỏi cho rằng nên đào tạo thời gian từ 3 tháng đến 1 năm, 65,3% nông dân lựa chọn hình thức đào tạo với thời gian dưới 3 tháng. Về lựa chọn học nghề, nhóm

Bảng 5: Nhu cầu của nông dân về đào tạo nghề nông nghiệp ở tỉnh Phú Thọ

Các tiêu chí	Nông dân
Tổng số người phỏng vấn	300
1. Hình thức đào tạo nghề	
- Trên 1 năm	12
- Từ 3 tháng đến dưới 1 năm	22,7
- Dưới 3 tháng	65,3
2. Ngành đào tạo	
- Kỹ thuật nông, lâm nghiệp	26,32
- Làm vườn cây cảnh	15,57
- Bảo vệ thực vật	18,12
- Kỹ thuật chăn nuôi	24,56
- Thú y	15,43
3. Cơ sở đào tạo	
- Tại trường nghề	20,76
- Tại nơi làm việc	50,86
- Kết hợp cả trường nghề và nơi làm việc	28,38

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra

nghề kỹ thuật nông, lâm nghiệp và chăn nuôi chiếm đa số; hơn 60% nông dân chọn học nghề với nội dung cả lý thuyết lẫn thực hành và hơn 50% học viên mong muốn có hình thức đào tạo ngay tại nơi làm việc. Tuy nhiên, một số nông dân cho biết việc lựa chọn ngành nghề theo học chỉ học nghề theo còn mang nặng tính phong trào, chưa nhận thức rõ tầm quan trọng, sự gắn kết giữa kiến thức với thực tiễn sản xuất.

b. Đánh giá của các tác nhân tham gia về công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho nông dân ở tỉnh Phú Thọ

Điều tra học viên và giáo viên của cơ sở đào tạo cho thấy: Phần lớn ý kiến cho rằng nội dung đào tạo nghề hiện nay về đã cung cấp tương đối đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết; khả năng truyền đạt của giáo viên là tương đối tốt, đa số bài giảng đạt chất lượng. Tuy nhiên, cơ sở vật chất của các cơ sở đào tạo còn thiếu; thời gian đào tạo chưa thực sự phù hợp (nên bố trí dưới 1 năm) và hình thức đào tạo còn kém linh hoạt (nên đào tạo theo nhiều hình thức đa dạng đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của học viên, mở rộng hình thức đào tạo bán tập trung). Như vậy, có thể thấy chất lượng đào tạo nghề nông nghiệp cho nông dân vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế, nhưng phần nào về cơ bản đã đáp ứng được tương đối tốt kế hoạch, nhiệm vụ đề ra.

c. Nguyên nhân của những tồn tại trong công tác đào tạo nghề cho nông dân ở tỉnh Phú Thọ

- Chủ trương, chính sách về đào tạo nghề cho nông dân còn thiếu, chưa đồng bộ; Việc ban hành các văn bản hướng dẫn còn chưa kịp thời, cụ thể gây khó khăn và trở ngại trong việc triển khai thực hiện.

- Việc tổ chức, quản lý của các cơ quan tham gia đào tạo nghề cho nông dân còn chưa hợp lý, chồng chéo, chưa có bộ phận chuyên trách quản lý và điều hành nên hiệu quả hoạt động còn hạn chế.

- Việc đầu tư cho đào tạo nghề nông nghiệp cho nông dân còn dàn trải, chưa hiệu quả, chưa đáp ứng yêu cầu (nhất là các trang thiết bị máy móc phục vụ cho giảng dạy).

- Chưa có chiến lược, chính sách xây dựng cho phát triển đội ngũ giáo viên một cách rõ ràng, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng dạy nghề, dẫn đến đội ngũ giáo viên còn thiếu trầm trọng, trình độ chưa đáp ứng yêu cầu.

- Các chương trình học, giáo trình bài giảng còn sơ sài và chưa có hệ thống; nội dung đào tạo, thực hành vẫn còn chưa sát với thực tiễn, còn mang nặng tính lý thuyết.

- Vai trò, trách nhiệm của các tổ chức chính trị-

Bảng 6: Đánh giá của cán bộ, giáo viên và học viên về công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho nông dân ở tỉnh Phú Thọ

DVT: %

Tiêu chí	Các đối tượng điều tra		
	Cán bộ quản lý	Giáo viên	Học viên
1. Cơ sở vật chất			
- Đầy đủ	49,33	34,92	26,78
- Thiếu	50,67	65,08	73,22
2. Hình thức đào tạo			
- Thời gian đào tạo			
+ Phù hợp	83,33	72,22	65,55
+ Chưa phù hợp	16,67	27,78	34,45
- Loại hình đào tạo			
+ Phù hợp	76,66	61,11	56,82
+ Chưa phù hợp	23,34	38,89	43,18
3. Nội dung đào tạo nghề			
- Kiến thức, kỹ năng cần thiết			
+ Đủ	77,94	63,04	60,88
+ Thiếu	22,06	36,96	39,12
- Mức độ đáp ứng tài liệu			
+ < 50%	-	10,29	4,74
+ 50 - < 70%	49,3	26,08	30,88
+ 70 - < 90%	26,09	39,71	45,81
+ > 90%	47,83	19,12	19,63
4. Chất lượng đào tạo nghề			
- Truyền đạt kiến thức của giảng viên			
+ Rất hiệu bài (70 - 100%)	17,39	20,90	37,02
+ Hiệu bài (50 - 70%)	60,87	61,19	59,47
+ Ít hiệu (< 50%)	21,74	17,91	3,51
- Tỷ lệ số giờ giảng đạt chất lượng			
+ Cao (>80%)	34,07	38,82	30,88
+ Trung bình (50 - 80%)	56,04	58,82	68,07
+ Kém (< 50%)	9,89	2,36	1,05

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra

xã hội các cấp ở địa phương trong việc triển khai, thực hiện công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho nông dân còn chưa rõ ràng, nhất là việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn dẫn đến nhiều nông dân chọn học nghề sai không vận dụng được kiến thức vào sản xuất gây lãng phí nguồn lực cho xã hội.

3.5 Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động công tác đào tạo nghề cho nông dân tỉnh Phú Thọ

Qua phân tích thực trạng, nhu cầu đào tạo nghề nông nghiệp cho nông dân trên địa bàn tỉnh Phú Thọ trong thời gian qua, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho nông dân trên địa bàn Tỉnh trong thời gian tới, cần thực hiện như sau:

Thứ nhất, bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản, quy phạm pháp luật tạo hành lang pháp lý rõ ràng về đào tạo nghề nông nghiệp cho nông dân, cụ thể hóa Luật dạy nghề, tạo điều kiện đẩy mạnh xã hội hóa đào tạo nghề nông nghiệp nhằm thu hút và sử dụng hiệu quả đào tạo nghề. Bên cạnh đó, cần đổi mới cơ chế hoạt động, thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở dạy nghề. Mỗi cơ sở dạy nghề cần ý thức hơn trách nhiệm của mình trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nghề.

Thứ hai, tổ chức và hình thành bộ phận chuyên trách hoặc bán chuyên trách giúp Tổng cục Dạy nghề và Sở Lao động- Thương binh & Xã hội quản lý các hoạt động đầu tư phát triển đào tạo nghề.

Thứ ba, cần chú trọng giải pháp về đầu tư cho đào tạo nghề; tăng tỷ lệ chi ngân sách Nhà nước cho đào tạo nghề nói chung và đào tạo nghề nông nghiệp cho nông dân nói riêng để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, nhất là trang thiết bị máy móc phục vụ cho giảng dạy đáp ứng tiêu chuẩn; đổi mới cơ chế

phân bổ và giao dự toán ngân sách chi thường xuyên cho đào tạo nghề; chuyển cơ chế cấp phát và quản lý ngân sách nhà nước cho đào tạo nghề theo kết quả “đầu vào” như hiện nay sang “đầu ra”.

Thứ tư, giải pháp về nhân lực: đảm bảo số lượng giáo viên cho công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho nông dân; hình thành thêm một số trường và trung tâm bồi dưỡng giáo viên dạy nghề ở những vùng có nhu cầu lớn; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho công tác đào tạo nghề cho nông dân thông qua tăng cường bồi dưỡng, chuẩn hóa chất lượng đội ngũ giáo viên, phấn đấu đạt chuẩn về chuyên môn kỹ thuật, trình độ tay nghề và nghiệp vụ sư phạm. Ngoài ra, tỉnh cần có những ưu đãi riêng để khuyến khích các nghệ nhân, người có kinh nghiệm, người có tay nghề cao tham gia công tác dạy nghề, bên cạnh đó có chế độ bồi dưỡng cho họ nhằm giúp họ nâng cao thu nhập và yên tâm công tác.

Thứ năm, cần đổi mới hình thức đào tạo nghề nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường; đổi mới phương pháp dạy học theo hướng chuyển từ mô hình truyền thống sang mô hình tích cực; đa dạng hóa hình thức đào tạo nghề nông nghiệp cho nông dân bằng nhiều hình thức linh hoạt; tổ chức đào tạo theo lớp, dạy kèm tại nơi sản xuất... tạo điều kiện thuận lợi giúp nông dân tham gia các khóa đào tạo nghề nông nghiệp.

Thứ sáu, mở rộng đối tượng phạm vi thực hiện các chính sách hỗ trợ, trợ cấp cho đào tạo nghề nông nghiệp cho nông dân như: chính sách cho nông dân vay vốn để học nghề. Ngoài ra, cần hỗ trợ các cơ sở dạy nghề, các tổ chức tham gia tư vấn miễn phí định hướng về học nghề, giúp nông dân ý thức được tầm quan trọng của học nghề để nông dân chủ động tham gia các khóa đào tạo nghề nông nghiệp. □

Tài liệu tham khảo:

1. Cao Văn Sâm (2006), “*Nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề*”, Tạp chí Lao động - Xã hội số 286, tr 42 - 43.
2. Dương Đức Lâm (2005), “*Phát triển dạy nghề theo hướng hội nhập khu vực và thế giới*”, Tạp chí LĐ&XH số 274, tr 2 - 4.
3. Hữu Bắc (2004), “*Phú Thọ với việc quy hoạch công tác dạy nghề*”, Tạp chí LĐ&XH số 251, tr 4 - 23.
4. Lê Thị Yến (2006), “*Công tác dạy nghề ở Phú Thọ kết quả và những vấn đề đặt ra*”, Tạp chí LĐ&XH số 278, tr 22 - 32
5. Nguyễn Đình Tráng (2005), “*Dạy nghề cho nông dân ở Phú Thọ và những vấn đề đặt ra*”, Tạp chí LĐ&XH số 255, tr 17 -18.
6. Nguyễn Lương Trào (2006), “*Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật đáp ứng nhu cầu phát triển Dạy nghề*”, Tạp chí LĐ&XH số 285, tr 2 - 3
7. Nguyễn Viêt Sự (2002), “*Về một số giải pháp nâng cao kỹ năng ĐTN cho đội ngũ giáo viên dạy nghề trong thời gian tới*”, Đặc san Đào tạo nghề, Tổng cục Dạy nghề, tr 49 - 50.